Biểu mẫu 01

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Ngủ 1 giấc buổi trưa. - Biết đội mũ khi ra nắng, đi giầy, dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Thể chất: Mức độ đạt 89% - Tình cảm - xã hội: Mức độ đạt: 90% - Nhận thức: Mức độ đạt 92% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 90%	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn và thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quangiuwax ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì) - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Lợi ích của việc giữ gìn vj sinh thên thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Thể chất: Mức độ đạt 98% - Tình cảm - xã hội: Mức độ đạt: 98% - Nhận thức: Mức độ đạt 95% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 98% - Thẩm mỹ: Mức độ đạt 97%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Phát triển thể chất - Phát triển nhận thức - Phát triển ngôn ngữ - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.	- Phát triển thể chất - Phát triển nhận thức - Phát triển ngôn ngữ - Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Phát triển thẩm mỹ

		Các nội dung khác **- Nội dung và các chủ điểm giáo dục:** Nhà trẻ chỉ dạy theo kỹ năng như: + Kỹ năng nghe + Kỹ năng cầm nắm + Kỹ năng xâu + Kỹ năng vò + Kỹ năng quan sát + Kỹ năng phân biệt kích thước + Kỹ năng phân biệt hình dạng. * Hưởng ứng các lễ hội – các sự kiện phát sinh trong năm	**Các nội dung khác** **- Nội dung và các chủ đề giáo dục** + Trường Mầm non + Bản thân – an toàn + Gia đình + Nghề nghiệp + Thực vật + Động vật + Phương tiện giao thông + Hiện tượng tự nhiên + Quê hương đất nước + Trường tiểu học + Tết trung thu + Ngày hội yêu thương 20/10 + Ngày 20/11 + Ngày Quân đội NDVN 22/12 + Vui Noel + Mùa xuân + Ngày 8/3 + giỗ tổ Hùng Vương - Kết quả trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển của năm học trước - Thể chất: Mức độ đạt 95% - Tình cảm - xã hội: Mức độ đạt: 98% - Nhận thức: Mức độ đạt 95% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 97% - Thẩm mỹ: Mức độ đạt 97% Các lớp học năng khiếu: Vẽ, Nhịp điệu, võ: 12 lớp
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các	- Biết tránh 1 số vật dụng và nơi ngu hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử

	lĩnh vực phát triển	(leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,…) khi được nhắc nhở - Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh) - Thể chất: Mức độ đạt 90% - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 92% - Nhận thức: Mức độ đạt 90% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 90%	dụng đồ dùng cá nhân đúng cách - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vận dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khânr cấp và gọi người giúp đỡ. - Thể chất: Mức độ đạt 98% - Tình cảm - xã hội: Mức độ đạt: 95% - Nhận thức: Mức độ đạt 95% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 98%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 2.2 – 2.5 m^2 cho một trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá dựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt - Phòng ngủ: Đảm bảo 2.2 – 2.5 m^2 cho một trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: Chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0.5 – 0.6 m^2 cho một trẻ, có thiết bị sau: Vòi nước	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1.8 – 2.2 m^2 cho một trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá dựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt - Phòng ngủ: Đảm bảo 1.8 – 2.2 m^2 cho một trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: Chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0.4 – 0.5 m^2 cho một trẻ, có thiết bị sau: Vòi

		rửa tay, ghế ngồi bô.	nước rửa tay, chỗ đi tiểu và bệ xí cho bé trai và bé gái.

Tân Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thụy Xuân Thảo

Biểu mẫu 02

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	**449**	0	22	48	142	129	108
1	Số trẻ em nhóm ghép	**0**	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	**0**	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	**449**	0	22	48	142	129	108
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	**0**	0	0	0	0	0	0
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	**449**	0	22	48	142	129	108
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	**449**	0	22	48	142	129	108
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	**449**	0	22	48	142	129	108
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**	**449**	0	22	48	142	129	108
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*	446	0	22	48	142	127	107
2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	3	0	0	0	0	2	1
3	*Số trẻ có chiều cao bình*	441	0	21	47	141	124	108

	thường							
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	8	0	1	1	1	5	
5	*Số trẻ thừa cân béo phì*	23	0	0	2	6	6	9
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	**449**	**0**	**22**	**48**	**142**	**129**	**108**
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	70	0	22	48	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	379	0	0	0	142	129	108

Tân Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thụy Xuân Thảo

Biểu mẫu 03

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	29	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	1990,8	4,43
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	253,5	0,56
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	1152	2.57
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	1152	2.57
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	352	0,78
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	792	1.76
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	64	
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	192	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	128	

VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu**(Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	01 bộ/ nhóm, lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	6	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	48 máy vi tính 02 máy chiếu 01 bảng tương tác	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	02 bộ âm thanh 20 ti vi 20 đầu đĩa 10 Nhạc cụ (Đàn ocgan, ghi ta, trống) 01 máy phô tô	Số thiết bị/nhóm (lớp)

		Số lượng(m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5/80	22/352	22/352	0.87	0,78
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XVI	**Tường rào xây**	x	

Tân Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thụy Xuân Thảo

Biểu mẫu 04

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**49**		**1**	**28**	**9**	**1**	**10**		**28**	**10**	**1**	**35**		
I	**Giáo viên**	**33**			**24**	**9**				**26**	7		**33**		
	Nhà trẻ	9			7	2				9			9		
1	Mẫu giáo	24			17	7				17	7		24		
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**1**	**2**						**3**	**1**	**2**		
1	Hiệu trưởng	**1**		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	**2**			2						2		2		
III	**Nhân viên**	**13**			**2**		**1**	**10**							
1	Nhân viên văn thư	**1**					1			1					
2	Nhân viên kế toán	**1**			1					1					
3	Thủ quỹ	0													

4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	11			1			10							

Tân Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thụy Xuân Thảo